

---

# CÁC LOẠI GỖ VÙNG DUYÊN HẢI B.C. VÀ CÁC CẤP ĐỘ GỖ XẺ

---

BRITISH COLUMBIA 

ĐỘC CẦN BỜ TÂY  
LINH SAM DOUGLAS  
TUYẾT TÙNG ĐỎ BỜ TÂY  
BÁCH VÀNG



**Canadian  
Wood**







---

# NỘI DUNG

---

## CÁC LOẠI GỖ VÙNG DUYÊN HẢI B.C. VÀ CÁC CẤP ĐỘ GỖ XÈ ĐỘC CẦN BỜ TÂY | LINH SAM DOUGLAS | TUYẾT TÙNG ĐỎ BỜ TÂY | BÁCH VÀNG

Giới thiệu	2
B.C.: Nơi dẫn đầu trong quản lý rừng bền vững	4
B.C.: Nguồn bền vững cho các sản phẩm gỗ được chứng nhận	5
Các Loài Cây Ven Biển của B.C.	6
Độc Cần Bờ Tây   Amabilis Fir	6
Linh Sam Douglas Duyên Hải	6
Tuyết Tùng Đỏ Bờ Tây	7
Bách Vàng	7
Các cấp độ gỗ	9
Phân loại xuất khẩu theo R-List và Cơ quan phân loại gỗ quốc gia (NLGA)	10
NLGA—Phân loại các cấp độ Shop (tất cả các loài)	11
Chất lượng Doorstock dùng cho cửa (vân sọc)	13
NLGA—Phân loại các cấp độ chất lượng factory (tất cả các loài)	15
NLGA—Gỗ xè quy cách	16
Tem cấp độ gỗ	19
Hình ảnh cấp độ gỗ	20
Mục lục hình ảnh cấp độ gỗ	21
Nguồn thông tin tham khảo	114
Tài liệu tham khảo	114

# Giới thiệu

British Columbia (B.C.) là tỉnh nằm ở cực Tây của Canada. Được công nhận là nơi dẫn đầu thế giới về quản lý rừng bền vững và cung cấp cho khách hàng trên khắp thế giới một loạt các loại lâm sản chất lượng.

Diện tích và phạm vi khí hậu của B.C. khiến nơi đây trở thành tỉnh đa dạng nhất ở Canada cả về sinh học lẫn sinh thái. Các khu rừng của tỉnh có diện tích 55 triệu ha phân bố ở hai khu vực rất khác nhau—trên Bờ biển Thái Bình Dương và trong nội địa của tỉnh.

Vùng rừng ven biển của B.C. bao phủ trên diện tích 16,5 triệu ha<sup>1</sup> và có năm loài cây lá kim được bán trên thị trường, mỗi loài có những đặc điểm độc đáo riêng. Do điều kiện khí hậu ôn hòa, luân kỳ thu hoạch dài hơn nên cây có xu hướng to hơn so các cây trong vùng nội địa của tỉnh.

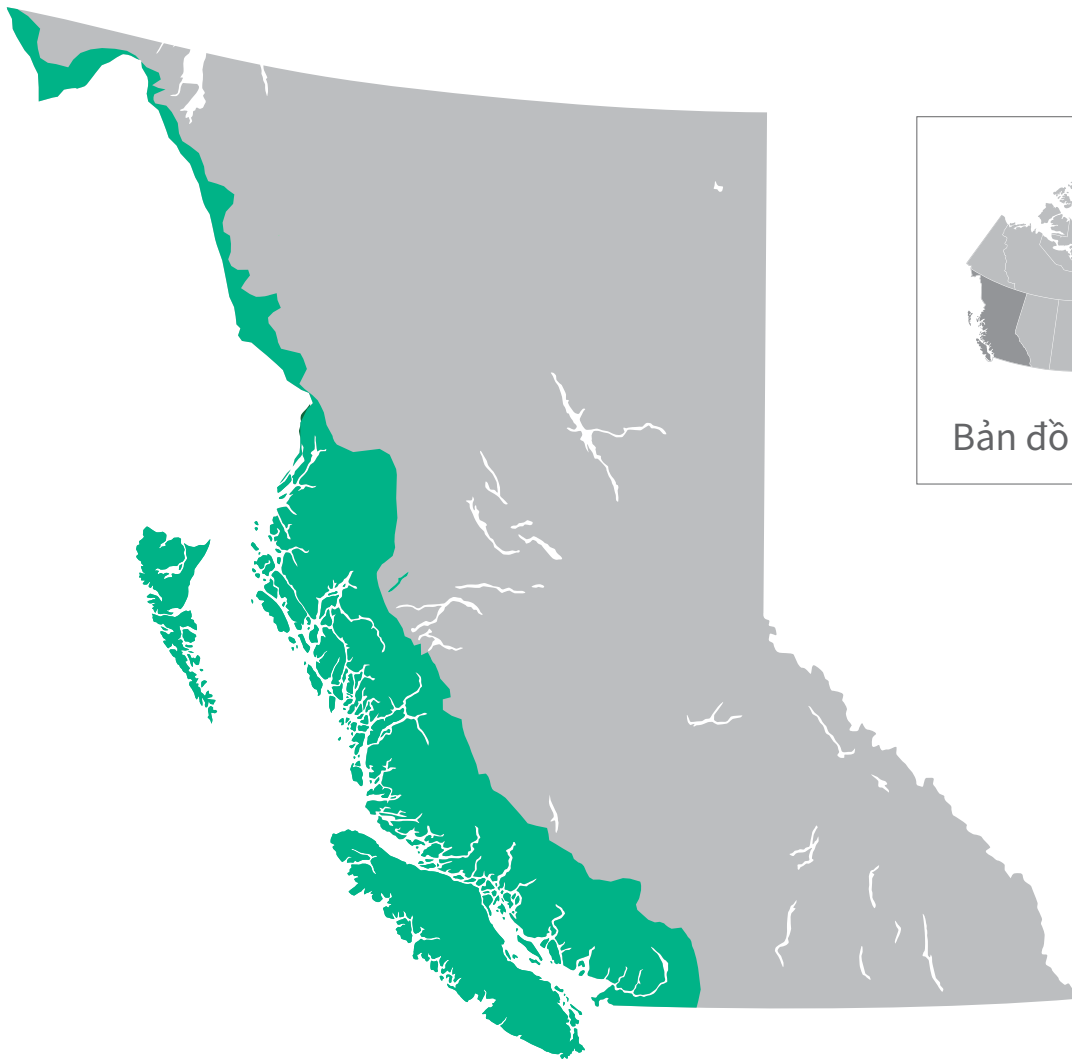
Ấn bản này cung cấp thông tin về các loài gỗ mềm ven biển của British Columbia—Độc cần bờ Tây/Linh sam *Amabilis* (được bán chung với tên Hem-Fir), Linh sam Douglas, Gỗ Tuyết tùng đỏ bờ Tây và Gỗ Bách vàng.

Ấn bản cung cấp một cái nhìn tổng quan cấp cao về các sản phẩm gỗ được sản xuất và xuất khẩu phổ biến nhất từ các loài cây ven biển của B.C. và mục đích sử dụng cuối cùng của chúng. Mặc dù đề cập chung về cấp độ gỗ, nhưng đây không phải là sổ tay hướng dẫn phân cấp chất lượng. Mục đích của ấn bản này là để hỗ trợ cho các trao đổi và tìm hiểu ở mức độ chuyên sâu tại các thị trường xuất khẩu.

Các loài gỗ mềm B.C. rất chắc chắn và đàn hồi, với các đặc tính thẩm mỹ phù hợp cho nhiều ứng dụng, bao gồm làm khung, lát sàn, khung gỗ trong xây dựng, cửa ra vào, cửa sổ, đồ mộc và đồ nội thất, cầu, bến tàu và các ứng dụng hàng hải.



# Vùng rừng ven biển của B.C.



## Các điểm then chốt

- 95 phần trăm<sup>2</sup> rừng của B.C. thuộc sở hữu công.
- Chỉ khoảng một phần trăm rừng của B.C. được khai thác hàng năm. Theo luật, những vùng đất này được trồng lại rừng ngay lập tức.
- Cứ mỗi cây được thu hoạch tại B.C., sẽ có ba cây con được trồng. Điều này dẫn đến việc có khoảng 200 triệu cây con được trồng mỗi năm.
- B.C. có số tỷ lệ chứng chỉ rừng vào hàng cao nhất trên thế giới với hơn 47 triệu ha<sup>3</sup> rừng được chứng nhận.
- B.C. có 40 loài cây bản địa khác nhau, bao gồm các loài thương mại như Western Hemlock, Douglas-Fir, Western Red Cedar và Yellow Cedar, được sử dụng cho nhiều ứng dụng về kết cấu lẫn hoàn thiện.



## B.C.: Nơi dẫn đầu trong quản lý rừng bền vững

B.C. duy trì các khu rừng tự nhiên phong phú của mình cho các thế hệ tương lai thông qua các quy định nghiêm ngặt, tái trồng rừng và quản lý cẩn thận dựa trên nền tảng khoa học mới nhất. Các luật và quy định quản lý rừng toàn diện của nơi đây được tăng cường hơn nữa bằng chứng chỉ rừng của bên thứ ba, cùng đó tính sở hữu tỷ lệ chứng chỉ vào hàng cao nhất trên toàn thế giới.

Các hoạt động lâm nghiệp hiện đại duy trì sự cân bằng của các giá trị rừng, bao gồm chất lượng nước và đất, môi trường sống của cá và động vật hoang dã, đa dạng sinh học, cũng như cộng đồng và các cơ hội tái tạo. B.C. hỗ trợ việc đa dạng rừng trên toàn tỉnh bằng cách trồng các loài cây bản địa kết hợp khoanh nuôi tái sinh tự nhiên. Sau khi khai thác trên đất công, các công ty lâm nghiệp tiếp tục chịu trách nhiệm trên khu đất đó cho đến khi cây phát triển thành một khu rừng mới khỏe mạnh.

Chỉ 10%<sup>4</sup> diện tích rừng trên thế giới được chứng nhận.  
36%<sup>5</sup> rừng được chứng nhận trên toàn thế giới là ở Canada.  
164 triệu ha<sup>6</sup> rừng được chứng nhận là ở Canada.  
10%<sup>7</sup> rừng được chứng nhận trên toàn thế giới là ở B.C.



# B.C.: Nguồn bền vững cho các sản phẩm gỗ được chứng nhận

Người tiêu dùng trên toàn thế giới có ý thức về môi trường và muốn biết rằng họ đang mua các sản phẩm từ rừng được khai thác từ các nguồn hợp pháp, bền vững và được sản xuất theo tiêu chuẩn cao nhất.

Các doanh nghiệp và chính phủ cũng có những kỳ vọng ngày càng cao khi đề cập đến danh tiếng về môi trường của các sản phẩm từ rừng. Chứng nhận rừng của bên thứ ba đảm bảo rằng các sản phẩm lâm nghiệp của B.C. đáp ứng các tiêu chuẩn được quốc tế công nhận về quản lý rừng bền vững.

Ở Canada, có ba chương trình chứng nhận của bên thứ ba:

1. Tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững (CSA) của Hiệp hội Tiêu chuẩn Canada.
2. Hội đồng quản lý rừng (FSC) và
3. Sáng kiến Lâm nghiệp Bền vững (SFI).

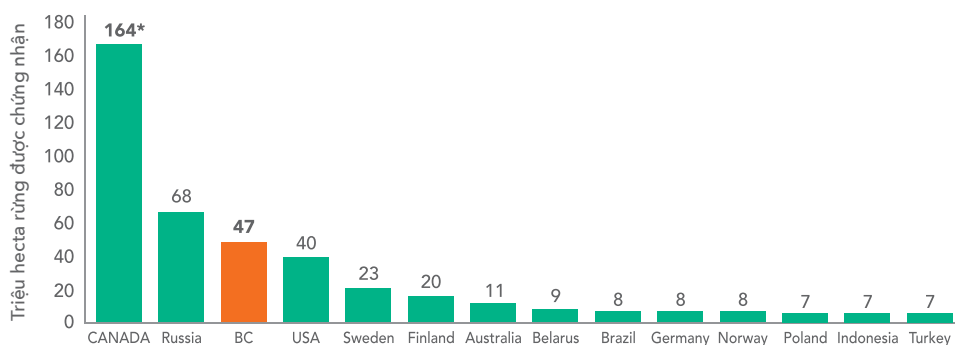
Các chương trình chứng nhận tự nguyện này (xem nhãn mẫu bên dưới) được xác nhận và giám sát bởi một trong

hai tổ chức phi lợi nhuận độc lập, Chương trình Chứng nhận Rừng (PEFC) và Hội đồng Quản lý Rừng (FSC). CSA và SFI được PEFC công nhận.

Mặc dù có một số khác biệt trong các chương trình chứng nhận của bên thứ ba này, nhưng tất cả đều cung cấp tài liệu xác nhận rằng một công ty lâm nghiệp đang hoạt động hợp pháp và bền vững, đồng thời thúc đẩy các nguyên tắc chung đáp ứng các tiêu chuẩn được quốc tế chấp nhận về quản lý rừng bền vững và bảo vệ môi trường sống, đất, nước và động vật hoang dã.

Chứng nhận Chuỗi hành trình sản phẩm (CoC) là một cách để theo dõi các nguyên liệu thô đến từ các khu rừng được chứng nhận của B.C. ở mỗi giai đoạn trong vòng đời của sản phẩm—từ hoạt động khai thác rừng và chế tạo tại nhà máy đến người dùng cuối hoặc sàn bán lẻ. Các chương trình FSC và SFI có tiêu chuẩn chuỗi hành trình sản phẩm của riêng họ và CSA đã áp dụng tiêu chuẩn chuỗi hành trình sản phẩm PEFC và ghi nhãn PEFC.

## NHỮNG KHU RỪNG ĐƯỢC CHỨNG NHẬN Ở B.C.-TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU



\* Tổng rừng-Diện tích được tính trùng lặp của các diện tích rừng được chứng nhận nhiều hơn một chứng chỉ đã được loại trừ ra khỏi tổng rừng.  
- đối với Canada, có sử dụng diện tích được tính trùng lặp thực tế của diện tích rừng được chứng nhận tại thời điểm 31/12/2020  
-đối với các quốc gia khác, có sử dụng số liệu được ước tính tốt nhất vào thời điểm giữa năm 2020 cho các diện tích rừng được chứng nhận cả hai chứng chỉ FSC và PEFC



NGUỒN: CERTIFICATION CANADA: WWW.CERTIFICATIONCANADA.ORG VÀO THỜI ĐIỂM 31/12/2020



# Các Loài Cây Ven Biển của B.C.

## Độc Cần Bờ Tây Amabilis Fir

Western Hemlock (*Tsuga heterophylla*) và Amabilis Fir (*Abies amabilis*) là hai loài cây mọc nhiều nhất ở vùng duyên hải B.C. Chúng chiếm khoảng 60% diện tích rừng trưởng thành ở khu vực này.

Hai loài này có các đặc tính vật lý rất giống nhau và thường được chế biến và bán trên thị trường cùng nhau thành một nhóm loài được gọi là Hem-Fir.

Các loài Hem-Fir thường đạt chiều cao từ 35 m đến 55 m, với đường kính ở gốc cây thường vượt quá 90 cm.

Các cấp độ Clear và Shop/Factory của những loài này làm cho chúng trở nên lý tưởng cho nhiều ứng dụng về bề mặt và đồ gỗ như ván ốp, đồ nội thất, đường gờ, cửa sổ và cửa ra vào. Vì Hem-Fir không có dầu hay nhựa nên gỗ của nó dễ dàng tiếp nhận một loại sơn

hoặc nhuộm màu bất kỳ—gỗ có thể được xử lý để trông giống như bất kỳ loại gỗ cứng nào. Hem-Fir cũng là một loại gỗ mềm rất bền chắc và, cùng với khả năng gia công vượt trội cũng như đặc tính giữ đinh vít, khả năng tương thích của gỗ với hầu hết các chất kết dính làm cho nó trở thành một lựa chọn tuyệt vời cho các ứng dụng bề ngoài.

Hem-Fir có các đặc tính như độ chắc chắn, độ cứng và mật độ cao khiến nó trở nên lý tưởng cho hầu hết các ứng dụng kết cấu và công nghiệp. Nó thường được sử dụng cho các mục đích xây dựng như làm khung gỗ, gỗ nặng và các cấu kiện gỗ kỹ thuật. Các mục đích sử dụng phổ biến khác bao gồm khung đồ nội thất, cuộn cáp và các mục đích đóng gói và đóng thùng.

Hem-Fir cũng dễ dàng được xử lý bằng hóa chất và được sử dụng rộng rãi ở Bắc Mỹ cho các mục đích ngoài trời như làm hàng rào và cấu trúc cảnh quan trang trí.



## Linh Sam Douglas Duyên Hải

Linh sam Douglas (*Pseudotsuga menziesii*) là loài cây lá kim lớn nhất của Canada. Là một trong những loài gỗ mềm được biết đến nhiều nhất và có giá trị cao của Canada, nó chiếm khoảng 10% diện tích rừng ven biển và thường mọc thành đám thuần khiết ở những nơi sâu và ẩm ướt.

Cây có chiều cao từ 35 m đến 85 m và đường kính lên tới 120 cm.

Những cây to, khỏe, cao này có thớ mịn, chất gỗ sạch đẹp, đồng nhất về kết cấu vân gỗ, màu sáng và có

tông màu ấm áp. Các cấp độ gỗ sạch đẹp của Linh sam Douglas thường được sử dụng trong sản xuất đồ nội thất, cửa sổ, cửa ra vào, đồ mộc và tủ các loại.

Các đặc tính tự nhiên của Linh sam Douglas về cường độ cao, độ cứng, mật độ và độ bền tự nhiên làm cho nó trở thành sự lựa chọn tuyệt vời cho nhiều ứng dụng kết cấu, xây dựng và công nghiệp. Nó được các nhà xây dựng và kỹ sư chỉ định rộng rãi cho các thành phần yêu cầu về kết cấu như các ứng dụng gỗ nặng và sản xuất dầm gỗ ghép.





## Tuyết Tùng Đỏ Bờ Tây

Tuyết tùng đỏ bờ Tây (*Thuja Plicata*) mọc ở độ cao từ thấp đến trung bình dọc theo bờ biển và có thể đạt chiều cao lên tới 60 m và đường kính 2,5m. Loài cây này chiếm khoảng tám phần trăm tổng số loài đang phát triển của B.C. và là một trong những loài có giá trị thương mại nhất của tỉnh.

Khả năng chống mục ải tự nhiên, mùi thơm dễ chịu, độ bền tuyệt vời và độ ổn định về kích thước của cây làm cho nó trở nên lý tưởng cho nhiều mục đích sử dụng

ngoài trời như ván lợp mái nhà, vách ngoài, ván sàn, đồ nội thất ngoài trời và các đặc điểm cảnh quan. Sử dụng cho nội thất bao gồm ốp cho phòng xông hơi khô, tường, trần nhà và các ứng dụng gia công chung khác.

Mật độ, độ chịu lực và độ cứng của Gỗ tuyết tùng đỏ bờ Tây thấp hơn so với các loại gỗ mềm ven biển khác, vì vậy cây không được sử dụng rộng rãi cho các ứng dụng kết cấu, mặc dù một số kiến trúc sư và nhà thiết kế chỉ định nó cho các ứng dụng phi kết cấu, lộ thiên mà vẻ ngoài là yếu tố quan trọng hàng đầu.



## Bách Vàng

Cây Bách vàng vùng duyên hải Thái Bình Dương của B.C. (*Chamaecyparis Nootkatensis*) là một loại cây cỡ trung bình, cao tới 30 m và đường kính 90 cm. Cây thường được tìm thấy trong điều kiện ẩm ướt ở phía Bắc và phía Tây đảo Vancouver và Haida Gwaii. Cây thường mọc đơn lẻ hoặc thành cụm nhỏ xen lẫn với các loài cây lá kim khác. Gỗ Bách vàng là một loại cây tương đối khan hiếm, chiếm khoảng 5% diện tích rừng ven biển và giống như Gỗ tuyết tùng đỏ bờ Tây, nó có giá trị thương mại cao.

Gỗ Bách vàng là một trong những loại gỗ bền nhất thế giới với tuổi thọ vượt trội. Độ ẩm ở chỗ nó có tỷ

lệ mật độ gỗ, độ cứng và độ bền cao của loài Hem-Fir, nhưng cũng có độ bền và độ ổn định tự nhiên cao của Gỗ tuyết tùng đỏ bờ Tây.

Không có dầu và nhựa, màu vàng nhạt đồng nhất từ tâm gỗ đến dát gỗ làm cho các loại cấp độ gỗ Clear và Shop trở nên lý tưởng cho các công trình đền thờ, tủ gỗ cao cấp và các ứng dụng gia công nội thất và ngoại thất. Các cấp độ Structural thường được sử dụng cho các ứng dụng bên ngoài như cầu, sàn và các dự án cảnh quan.









# Các cấp độ gỗ

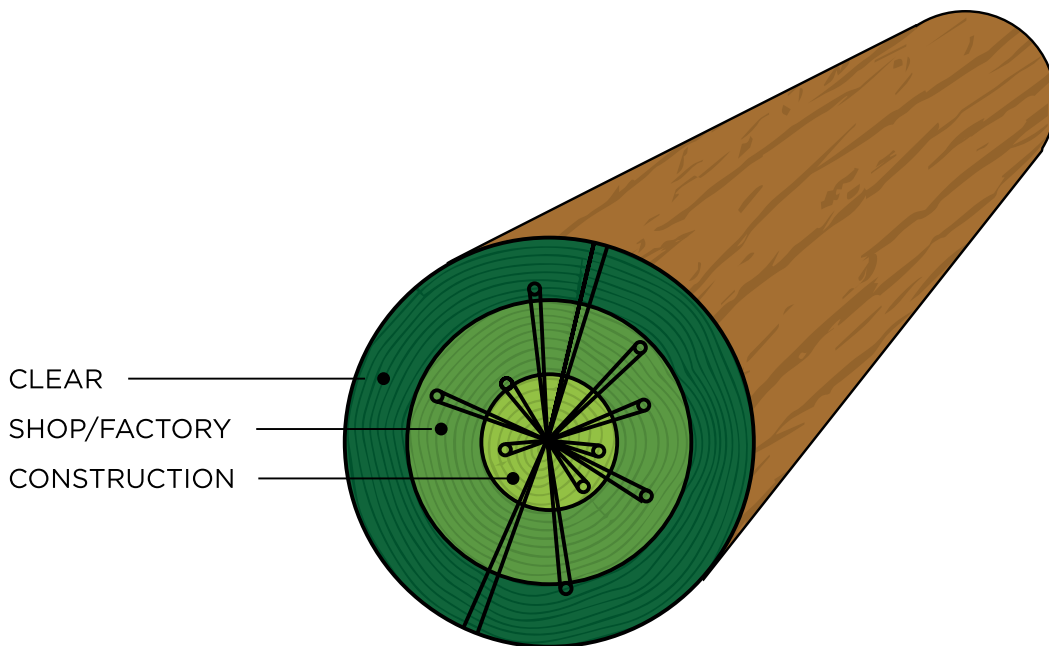
Ấn phẩm này minh họa các cấp độ gỗ xẻ được sản xuất và xuất khẩu phổ biến nhất trong các loại gỗ xẻ thanh, gỗ xẻ dùng trong kết cấu và gỗ xẻ từ các loại gỗ mềm ven biển của B.C.

Các nhà máy ven biển thường cưa xẻ các loài cây trong các dây chuyền riêng biệt để chúng được sản xuất thành các sản phẩm phù hợp nhất với các đặc điểm và đặc tính vật lý độc đáo của từng loài.

Các lóng gỗ to nên chúng thường có phần lớn gỗ chất lượng sạch đẹp, không có khuyết tật ở một phần ba bên ngoài. Lớp tiếp theo vẫn chứa nhiều phần gỗ sạch ngăn giữa các khuyết tật, vì vậy lớp này phù hợp nhất cho các ứng dụng không yêu cầu mặt sạch rất dài, trong khi lớp thứ ba trong cùng có nhiều mắt nhất và được sử dụng nhiều nhất cho các mục đích xây dựng hoặc công nghiệp, hoặc các dự án yêu cầu gỗ có nhiều mắt.

Gỗ xẻ vùng ven biển có sẵn nhiều độ dày, chiều rộng và chiều dài khác nhau. Tùy thuộc vào mục đích sử dụng và ứng dụng cuối cùng, gỗ có thể được sấy khô đến độ ẩm từ 19% trở xuống để tăng tính toàn vẹn của cấu trúc, cải thiện khả năng gia công bề mặt và giảm trọng lượng vận chuyển. Gỗ cũng có thể được xử lý nhiệt để đáp ứng các yêu cầu kiểm dịch thực vật nhập khẩu.

Hầu hết gỗ xẻ chất lượng bề mặt đẹp (Clear and Shop/Factory) được xuất khẩu từ B.C. đáp ứng quy tắc R-List, trong khi một số cấp độ gỗ Factory/Shop và tất cả các loại gỗ xẻ cấp độ Construction được chứng nhận theo quy tắc Phân loại gỗ Bắc Mỹ (NLGA). Một số nhà sản xuất có thể sản xuất gỗ xẻ theo kích cỡ dành riêng cho một số quốc gia áp dụng quy tắc phân loại nội bộ.



# Phân loại xuất khẩu theo R-List và Cơ quan phân loại gỗ quốc gia (NLGA)

## Các Cấp Độ Gỗ Bề Mặt

Các sản phẩm có hình thức bên ngoài, bao gồm Clear và Shop/Factory, được phân loại theo tính thẩm mỹ và hình ảnh đẹp mắt, không có khuyết tật và tính đồng nhất của gỗ. Chúng thường không được đóng dấu phân loại vì không dành cho mục đích xây dựng hoặc kết cấu.

Các mô tả cấp độ gỗ dựa trên cơ sở các thanh gỗ rộng 203 mm dài 3,6 m. Trên các thanh gỗ nhỏ hơn hoặc lớn hơn thì các đặc điểm này sẽ gia giảm tỷ lệ thuận với kích thước theo cấp độ. Các thanh gỗ có bản 127 mm và nhỏ hơn được phân loại dựa trên mặt đẹp nhất và cả hai cạnh; các thanh có bản 152 mm và rộng hơn thì trên mặt đẹp nhất và một cạnh.

## R-List Danh Sách Các Loại Mặt Sạch Xuất Khẩu (tất cả các loài gỗ)

R-LIST CÁC LOẠI MẶT SẠCH XUẤT KHẨU có ba loại và có sẵn ở dạng vân sọc dọc (VG) hoặc vân sọc hỗn hợp (MG). Đây là những loại cao cấp nhất mà ngành sản xuất và khi được tái sản xuất, mang lại các tỷ lệ phần trăm khác nhau về mặt sạch dài thu được.

Các loại #2 CLEAR và #3 CLEAR thường được kết hợp trong cùng một lô và được bán dưới dạng #2 CLEAR, trong đó tối đa 15% #3 CLEAR (85/15), hoặc bán dưới dạng #3 CLEAR và TỐT HƠN (BTR).

Các đặc điểm phân loại được dựa trên độ dày, bản rộng và chiều dài của thanh gỗ.

### #2 CLEAR & BTR.

Cấp độ cao nhất của Clear về chất lượng và giá cả. Cấp độ gỗ này thường được sử dụng trong các ứng dụng mà tính đồng nhất của màu sắc, sợi gỗ và hình thức bề mặt là vô cùng quan trọng. Loại này sẽ cung cấp độ dài, khả năng thu hồi mặt sạch cao nhất cho các ứng dụng cần hoàn thiện màu tự nhiên.

Các thanh gỗ lớn hơn thường được sản xuất thành các mặt hàng đặc biệt có giá trị cao như tấm ốp và ván lạng. Loại này cho phép có ba điểm khuyết tật trên mặt đẹp nhất và bốn điểm ở mặt còn lại.

### #3 CLEAR

Cấp độ gỗ chất lượng thấp hơn một chút so với #2 CLEAR, cho phép có nhiều khuyết tật hơn một chút trên cả mặt đẹp nhất và mặt đối diện. Đây là loại chất lượng Clear đầu tiên cho phép mặt gỗ đi từ mặt này sang mặt kia.

Có thể mong đợi tỷ lệ cao về thu hồi mặt sạch dài từ cấp độ gỗ này.

### #4 CLEAR

Một loại cấp chất lượng thấp hơn về khả năng thu hồi dự kiến của thứ gỗ sạch. Cấp độ này cho phép nhiều lỗi hơn và lỗi lớn hơn một chút so với các loại cấp độ Clear cao hơn.

Tùy thuộc vào mục đích sử dụng cuối cùng, loại này vẫn cho phép tỷ lệ thu hồi mặt sạch tương đối cao bằng cách rong cắt lại.

Các khuyết tật tự nhiên ở loại này thường có thể được che phủ bằng sơn hoặc nhuộm màu chất lượng cao.



## NLGA—Phân loại các cấp độ Shop (tất cả các loài gỗ)

Các sản phẩm gỗ xẻ loại Shop (SELECT SHOP, #1 SHOP và #2 SHOP) có sẵn ở dạng vân sọc (VG) hoặc vân hỗn hợp (MG). Các loại tầm trung này sẽ mang lại tỷ lệ phần trăm khác nhau từ 1,0 m đến 2,0 m mặt sạch.

Các loại Shop chủ yếu dành cho các nhà sản xuất tủ, cửa ra vào, cửa sổ, đồ nội thất, chỉ nẹp viền và đồ gỗ.

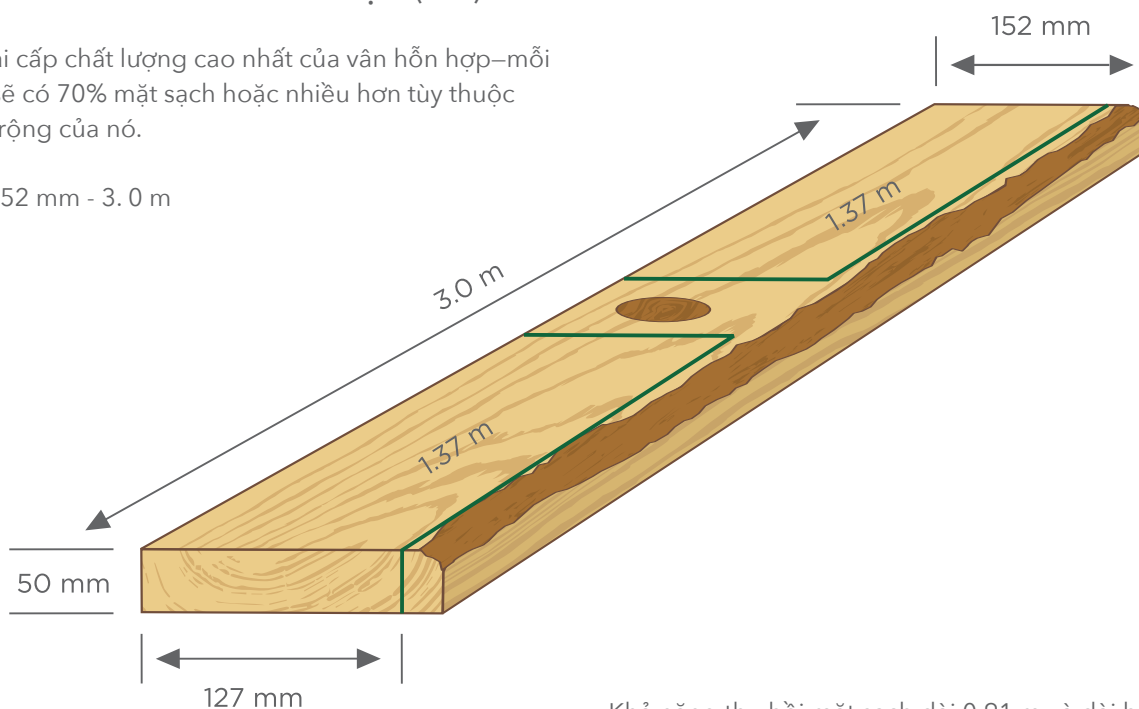
Các quy tắc của chất lượng Shop thường áp dụng cho gỗ có độ dày từ 51 mm trở xuống và bản rộng hơn 75 mm. Cấp độ chất lượng này được xác định bằng tỷ lệ phần trăm của mặt sạch dài 0,91 m và dài hơn có thể thu hồi được sau khi đã loại bỏ các khuyết tật có trên thanh gỗ.

Các cấp độ của SELECT SHOP, #1 SHOP và #2 SHOP thường được kết hợp với nhau trong cùng một lô và được bán dưới dạng #2 & BTR SHOP.

### LOẠI SELECT SHOP VÂN HỖN HỢP (MG)

Đối với loại cấp chất lượng cao nhất của vân hỗn hợp—mỗi thanh gỗ sẽ có 70% mặt sạch hoặc nhiều hơn tùy thuộc vào chiều rộng của nó.

50 mm x 152 mm - 3.0 m

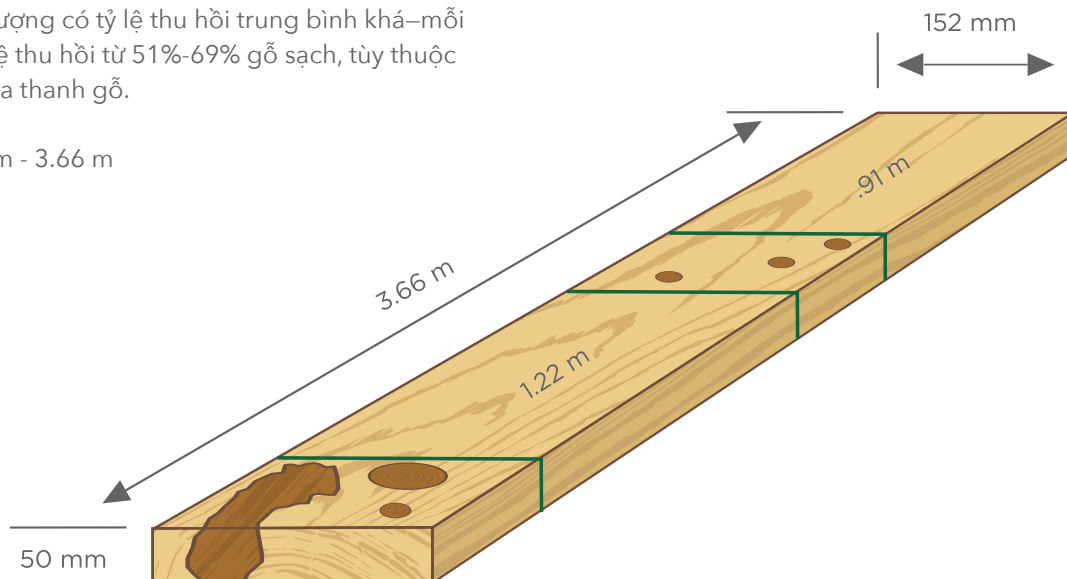


Khả năng thu hồi mặt sạch dài 0,91 m và dài hơn đạt tỷ lệ 79% trong hình minh họa này.

## CHẤT LƯỢNG #1 SHOP (VÂN HỖN HỢP)

Là cấp độ chất lượng có tỷ lệ thu hồi trung bình khá—mỗi thanh sẽ đạt tỷ lệ thu hồi từ 51%-69% gỗ sạch, tùy thuộc vào mặt rộng của thanh gỗ.

50 mm x 152 mm - 3.66 m

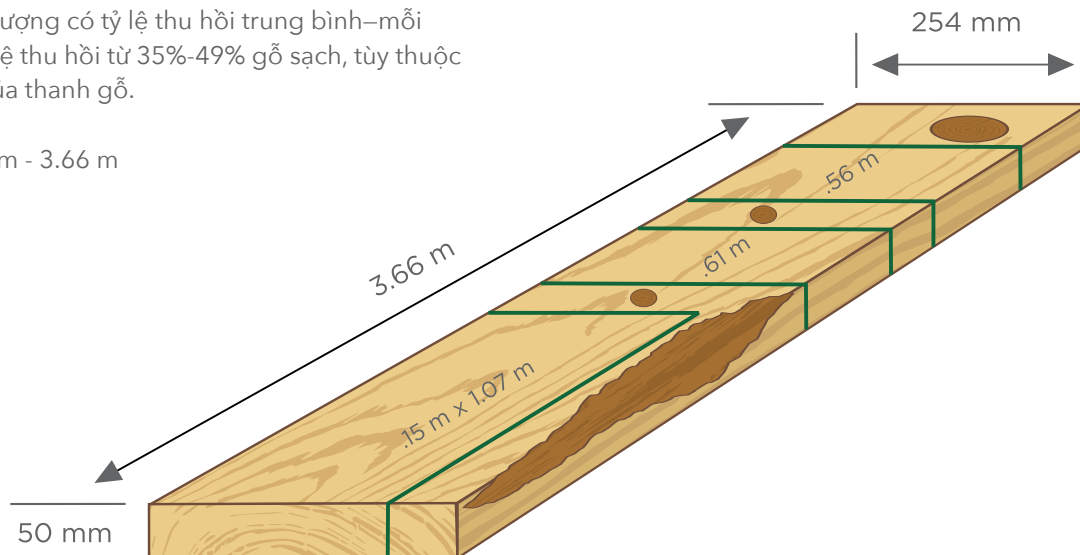


Khả năng thu hồi mặt sạch dài 0,91 m và dài hơn đạt tỉ lệ 58% trong hình minh họa này.

## CHẤT LƯỢNG # 2 SHOP (VÂN HỖN HỢP)

Là cấp độ chất lượng có tỷ lệ thu hồi trung bình—mỗi thanh sẽ đạt tỷ lệ thu hồi từ 35%-49% gỗ sạch, tùy thuộc vào mặt rộng của thanh gỗ.

50 mm x 254 mm - 3.66 m



Khả năng thu hồi mặt sạch dài 0,91 m và dài hơn đạt tỉ lệ 49% trong hình minh họa này.



## Chất Lượng Doorstock Dùng Cho Cửa (Vân Sọc)

Tỉnh bang B.C cũng sản xuất gỗ xẻ đặc biệt dùng riêng cho các nhà sản xuất cửa. Việc chọn mua những cấp độ chất lượng này sẽ giúp xác định được tỷ lệ thu hồi dự kiến một cách chính xác hơn.

Các quy tắc phân loại chất lượng Doorstock này dựa trên số lượng đố dọc, đố ngang cửa và đố dọc pano cửa có sẵn trên một thanh gỗ. Loại chất lượng của thanh gỗ sẽ được quyết định bởi số lượng và chất lượng của những khuyết tật gỗ trên mặt gỗ xấu nhất.

Thông thường loại chất lượng FACTORY SELECT VG và #1 SHOP VG sẽ được đóng chung một kiện được gọi là FACTORY SELECT/#1 SHOP-VG.

Loại chất lượng #2 SHOP VG thường được đóng gói và bán như một loại riêng biệt.

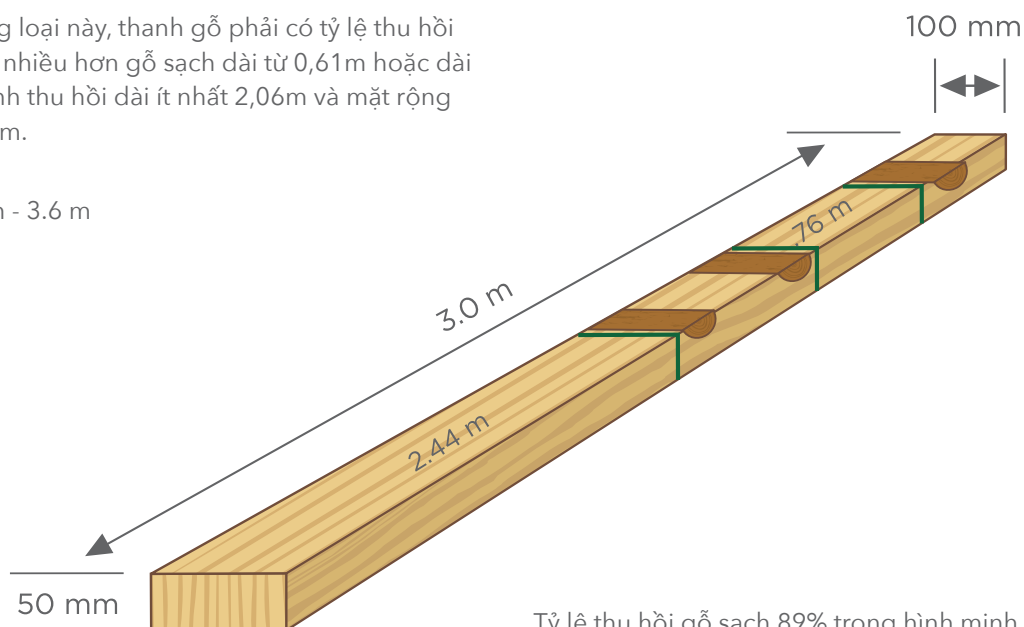
### CHẤT LƯỢNG FACTORY SELECT (VÂN SỌC)

Để đạt chất lượng này thì một thanh phải có tỷ lệ thu hồi ít nhất 70% hoặc nhiều hơn gỗ sạch có độ dài ít nhất từ 2,06m đến 2,5m và mặt rộng 100mm và 150mm.

### CHẤT LƯỢNG #1 SHOP (VÂN SỌC)

Để đạt chất lượng loại này, thanh gỗ phải có tỷ lệ thu hồi ít nhất 50% hoặc nhiều hơn gỗ sạch dài từ 0,61m hoặc dài hơn, với một thanh thu hồi dài ít nhất 2,06m và mặt rộng 100mm và 150mm.

50 mm x 100 mm - 3.6 m

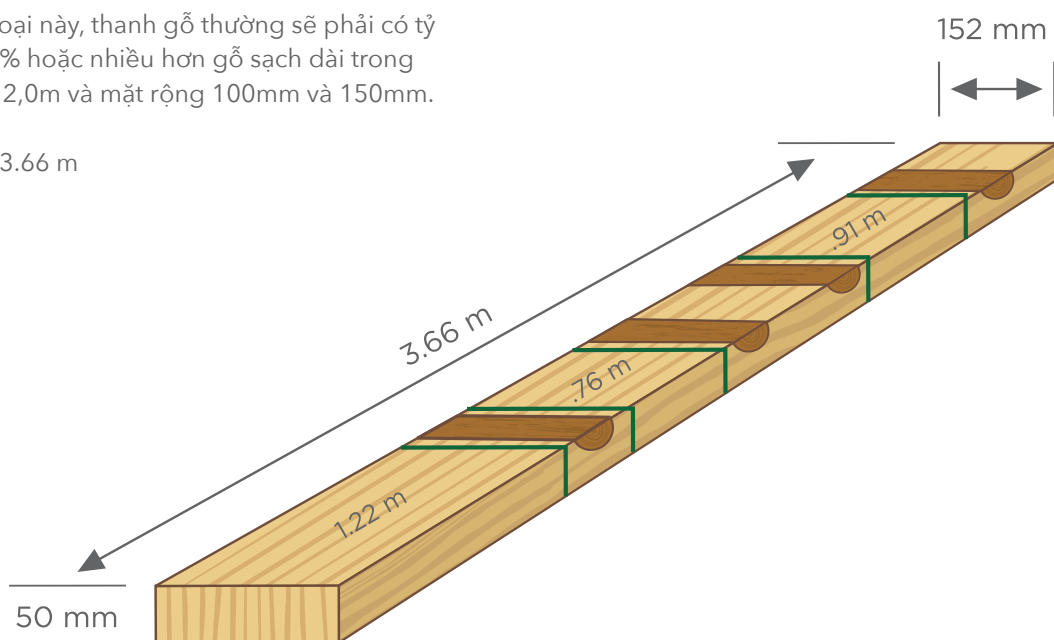


Tỷ lệ thu hồi gỗ sạch 89% trong hình minh họa này (với ít nhất một thanh dài 2,06m hoặc dài hơn).

## CHẤT LƯỢNG #2 SHOP (VÂN SỌC)

Để đạt chất lượng loại này, thanh gỗ thường sẽ phải có tỷ lệ thu hồi ít nhất 33% hoặc nhiều hơn gỗ sạch dài trong khoảng 0,61m đến 2,0m và mặt rộng 100mm và 150mm.

50 mm x 254 mm - 3.66 m



Tỷ lệ thu hồi 79% gỗ sạch dài 61mm hoặc dài hơn trong hình minh họa này.



## NLGA- Phân Loại Các Cấp Độ Chất Lượng Factory (Tất Cả Các Loài Gỗ)

Gỗ xẻ chất lượng Shop có độ dày hơn 50mm và mặt rộng hơn 75mm thường được gọi là Flitches. Flitches được phân loại đặc biệt để cho tỷ lệ thu hồi của các thanh gỗ mặt sạch dài hơn. Thông thường, Flitches là vân hỗn hợp, do đó khi thanh gỗ được xẻ theo vân sọc lại, sẽ cho ra những thanh gỗ mỏng hơn có mặt vân sọc. Flitches được phân loại nhằm mong muốn thu hồi những thanh gỗ sạch độ dày 25mm với chiều dài từ 61mm hoặc dài hơn.

Có hai cấp độ chất lượng của Flitches- FACTORY FLITCH và SHOP FLITCH.

Những cấp độ chất lượng này thường được sử dụng bởi nhà sản xuất cửa, cửa sổ, tấm ốp và tủ các loại. Tùy vào nhà máy, cấp độ chất lượng có thể được bán riêng biệt hoặc đóng gói chung gọi là FACTORY FLITCH/SHOP FLITCH.

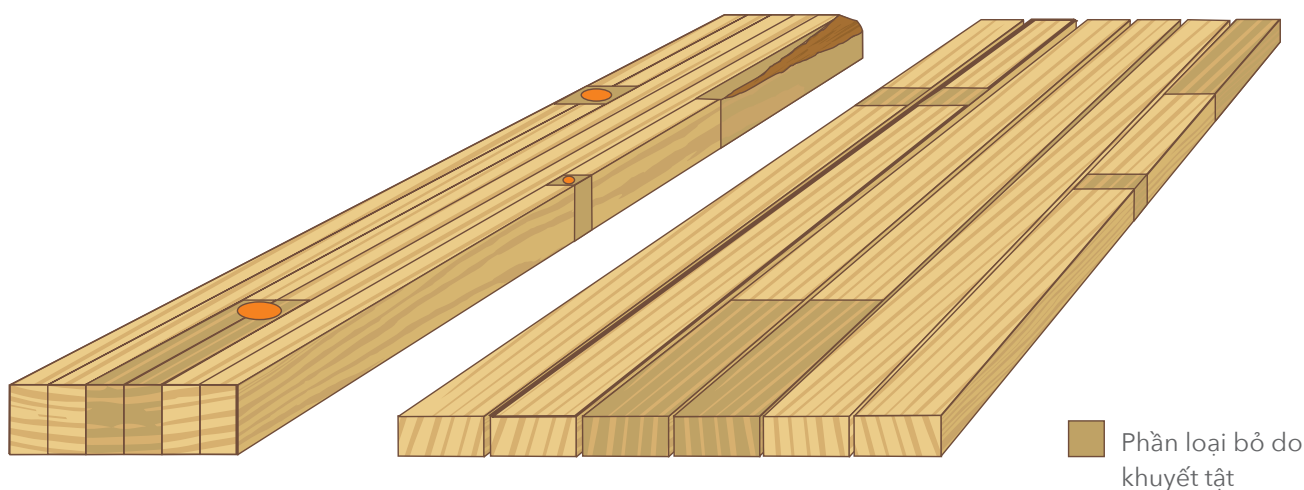
### CHẤT LƯỢNG FACTORY FLITCH

Bất kỳ loại khuyết tật nào được cho phép trong loại chất lượng này khi được cưa cắt bỏ đi, sau đó sẽ đạt được tỷ lệ thu hồi 80% gỗ sạch hoặc nhiều hơn với độ dày 25mm có mặt rộng đầy đủ và chiều dài 61mm hoặc dài hơn.

Nếu thanh Flitch dài hơn 3,66m, thì một nửa tỷ lệ thu hồi gỗ sạch phải có chiều dài từ 2,1m trở lên.

### CHẤT LƯỢNG SHOP FLITCH

Loại chất lượng này có tỷ lệ thu hồi thấp hơn FACTORY FLITCH. Loại này yêu cầu đạt 60% gỗ sạch trở lên, dày 25 mm, mặt rộng đầy đủ, chiều dài 61 mm trở lên.



## NLGA—Gỗ xẻ quy cách (Hem-Fir và Linh Sam Douglas)

Các loại cấp độ này dùng làm dầm và thanh kết cấu, bao gồm SELECT STRUCTURAL, #1 STRUCTURAL, #2 STRUCTURAL AND #3 STRUCTURAL, mang lại các giá trị thiết kế kỹ thuật xây dựng gỗ cao nhất. Các kích thước phổ biến nhất có sẵn của các loại này là 38mm x 90mm hoặc rộng hơn. Chúng được dùng cho hầu hết các ứng dụng thiết kế kết cấu xây dựng chịu lực theo phương nằm ngang. Đối với các ứng dụng kết cấu chịu lực theo phương thẳng đứng trong các cấp độ này không bị giới hạn. Các sản phẩm này được đóng dấu riêng.

Khi được bán ra nước ngoài, gỗ thường được lên hóa đơn tính theo mét khối thực tính mặc dù nhãn trên bao bì có thể sẽ được ghi theo hệ đơn vị Anh.

Below is a list of structural grades:

### CHẤT LƯỢNG SELECT STRUCTURAL

Các loại mắt sống, cách đều nhau, chắc chắn, được bao bọc lớp màng ruột và mắt có ruột được chấp nhận miễn là chúng không vượt quá những kích thước đã được quy định theo tiêu chuẩn về bản rộng và vị trí tương đương. Loại chất lượng này được sử dụng nơi mà trong đó sự tính toán kỹ thuật về độ chịu lực và nhịp chịu lực là tối quan trọng như khung đỡ mái lợp, dầm sàn và khung đỡ sàn ngoài trời.

Cấp độ này cũng có thể được sử dụng cho đồ nội thất có mắt gỗ sống nhỏ hoặc các ứng dụng tấm ốp.

### CHẤT LƯỢNG #2 STRUCTURAL

Cấp độ này cho phép bất kỳ loại mắt gỗ nào với kích thước không vượt quá kích thước đã được quy định theo tiêu chuẩn về bản rộng và vị trí tương đương. Được sử dụng cho xây dựng nói chung, dầm ghép nhiều lớp, các ứng dụng đã được xử lý cho sàn và hàng hải, giàn lợp và dầm sàn.

Thông thường, các loại chất lượng SELECT STRUCTURAL, #1 STRUCTURAL, and #2 STRUCTURAL được đóng gói trong cùng kiện và được bán dưới dạng #2 & BTR. STRUCTURAL.

Giống như SELECT STRUCTURAL, loại chất lượng này cũng có thể được sử dụng cho đồ nội thất có mắt gỗ sống nhỏ hoặc các ứng dụng tấm ốp.

### CHẤT LƯỢNG #3 STRUCTURAL

Cấp độ này cho phép bất kỳ loại mắt gỗ nào với kích thước không vượt quá kích thước đã được quy định theo tiêu chuẩn về bản rộng và vị trí tương đương. Đây là loại chất lượng thấp nhất được phân loại dán nhãn bởi Cơ Quan Phân Cấp Chất Lượng của chúng tôi.

Được dùng trong xây dựng, cốp-pha và những ứng dụng khác nơi mà yêu cầu về độ chịu lực ít hơn. Chất lượng này cũng được dùng cho các ứng dụng công nghiệp như bồn cuộn cáp điện, thùng kiện đóng gói bao bì, và thường được dùng làm khung nội thất khung sofa và những chi tiết đầu bên trong khung giường.





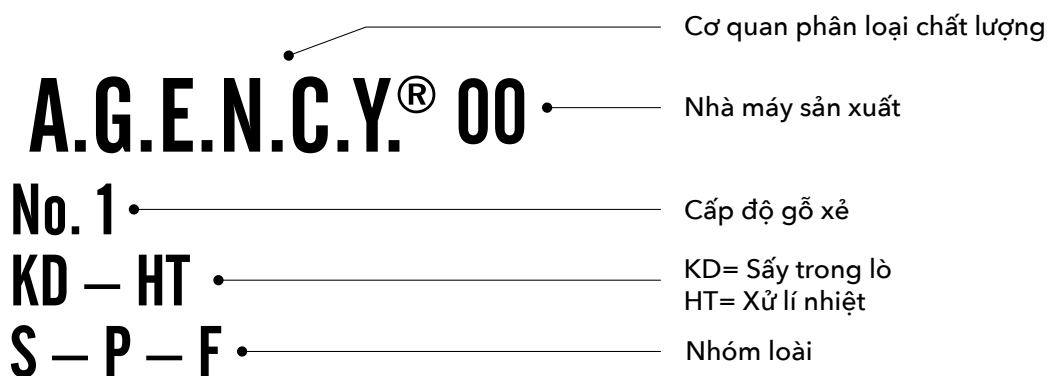




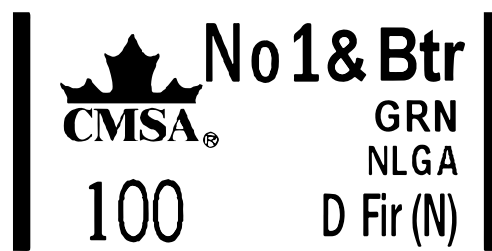
# Tem Cấp Độ Gỗ

Gỗ xẻ quy cách được sản xuất tại Canada thỏa mãn các yêu cầu chất lượng đồng đều và đáp ứng các quy tắc phân loại gỗ xẻ Canada như trong NLGA hoặc R-List. Các sản phẩm gỗ xẻ được phân loại trực quan bởi các nhà phân loại được chấp thuận bởi một cơ quan được công nhận, và cơ quan này lại được chấp thuận bởi Hội đồng Chứng nhận Tiêu chuẩn Gỗ Xẻ Canada (CLSAB).

Mỗi thanh được đóng dấu phân loại trên một mặt, cách mỗi đầu thanh gỗ 2 feet (60,96cm). Điều này cho phép tem có thể được thấy rõ trong quá trình thi công. Hầu hết cấp chất lượng có bề mặt dành cho nội thất sẽ không có tem để toàn bộ thanh gỗ có thể được sử dụng. Một số tem phân loại được dùng phổ biến hơn ở khu vực duyên hải bang B.C. được đề cập dưới đây.



Hội Liên hiệp Dịch vụ các nhà máy Canada (CMSA) có thể tư vấn hoặc trả lời các câu hỏi về cấp độ gỗ xẻ được phân loại ở B.C. Truy cập website [www.canserve.org](http://www.canserve.org) để biết thêm thông tin chi tiết.





# Hình Ảnh Cấp Độ Gỗ

Những hình ảnh trong các trang sau đây minh họa các cấp độ từ thấp đến cao của mỗi loại (một mục lục bổ sung cho mỗi loài và cấp độ kèm theo cho phần này).

Kích thước của các sản phẩm được mô tả trong mỗi hình ảnh là kích thước danh nghĩa trong hệ thống đơn vị Anh. Theo mô tả 2x4 có nghĩa là dày 2 inch x rộng 4 inch—chiều dài của thanh gỗ thường tính bằng feet. Kích thước theo hệ mét sẽ phụ thuộc gỗ sấy hoặc tươi và thô hay bào nhẵn. Nếu được cung cấp thô, kích thước sẽ phụ thuộc nhà cung cấp cụ thể. Đối với gỗ sấy khô bào nhẵn, kích thước hệ mét có thể là 38mm x 90mm x 3.046m.

Các đơn hàng mua gỗ xẻ dựa trên các cấp độ gỗ được miêu tả trong cuốn sách này sẽ bao gồm bất kỳ sự kết hợp nào của các thanh gỗ từ mỗi hình ảnh, vì tất cả đều đủ tiêu chuẩn đại diện cho cấp độ gỗ được miêu tả. Nếu không có chỉ định cụ thể, ở đây không có sự đảm bảo về số lượng chính xác của số thanh gỗ thuộc mỗi chất lượng sẽ xuất hiện trong một kiện gỗ cụ thể. Quan trọng là nhận ra rằng sự kết hợp của các thanh gỗ người mua nhận được sẽ khác nhau tùy thuộc vào nhà cung cấp.

# Mục lục hình ảnh cấp độ gỗ

## #2 Clear

### Hemlock

Rough KD	
2X4 .....	23
2X4 - Vertical Grain .....	24
2X6 .....	25
2X6 - Vertical Grain .....	26
S4S KD	
2X8 - Max. 15% #3 Clear .....	27
S4S Green	
105X105 - Max. 15% #3 Clear (top face) .....	28
105X105 - Max. 15% #3 Clear (reverse face) ..	29

### Douglas-Fir

S2S KD	
2X6 - Max. 15% #3 Clear (top face) .....	30
2X6 - Max. 15% #3 Clear (reverse face) .....	31
S4S Green	
2X6 - Max. 15% #3 Clear (top face) .....	32
2X6 - Max. 15% #3 Clear (reverse face) .....	33

### Western Red Cedar

S4S KD	
2X4 .....	34
Rough Green	
2X4 .....	35
2X6 .....	36
2X8 .....	37

### Yellow Cedar

S4S KD	
2X6 .....	38
Rough Green	
1X6 .....	39
2X4.....	40
2X6 .....	41

## #3 Clear

### Hemlock

Rough KD	
2X6 - Vertical Grain .....	42
S4S KD	
2X8 .....	43

### Douglas-Fir

S2S KD	
2X6 (top face) .....	44
2X6 (reverse face) .....	45

## #4 Clear

### Hemlock

Rough KD	
2X6 .....	46
2X6 - Vertical Grain .....	47
S4S KD	
2X8 .....	48
S4S Green	
105X105 .....	49

### Douglas-Fir

S2S KD	
2X6 .....	50

### Western Red Cedar

Rough Green	
2X4 .....	51
2X6 .....	52
2X8 .....	53

## Select Shop

### Hemlock

Rough KD	
2X5 .....	54
S4S KD	
2X8 .....	55

### Douglas-Fir

S2S KD	
2X6 .....	56

## #1 Shop

### Hemlock

Rough KD	
2X5 .....	57
S4S KD	
2X8 .....	58

### Douglas-Fir

S2S KD	
2X6 .....	59
S4S Green	
2X6 (top face) .....	60
2X6 (reverse face) .....	61

## #2 Shop

### Hemlock

Rough KD	
2X5 .....	62
S4S KD	
2X8 .....	63

### Douglas-Fir

S2S KD	
2X6 .....	64
S4S Green	
2X6 (top face) .....	65
2X6 (reverse face) .....	66

## Doorstock

### Hemlock

Rough KD	
2X5 - Factory Select - Vertical Grain.....	67
2X5 - #2 Shop - Vertical Grain .....	68

## Factory Fitch

### Hemlock

S4S Green	
105X105 .....	69

# Mục lục hình ảnh cấp độ gỗ (tiếp theo)

## Shop Flitch

### Hemlock

S4S Green	
105X105 .....	70

## J Grade

### Hemlock

S4S KD	
2X4 .....	71
2X6 .....	72
2X8 .....	73

### Douglas-Fir

S2S KD	
2X4 .....	74
2X6 .....	75

## #1 Merch

### Hemlock

S4S Green	
105X105 (top face) .....	76
105X105 (reverse face) .....	77
45X90 (top face) .....	78
45X90 (reverse face) .....	79

### Douglas-Fir

S4S KD	
105X105 (top face) .....	80
105X105 (reverse face) .....	81

## #1 Structural

### Douglas-Fir

Rough Green	
4X6 (top face) .....	82
4X6 (edge) .....	83
4X8 (top face) .....	84
4X8 (edge) .....	85
6X6 (top face) .....	86
6X6 (reverse face) .....	87
6X8 (top face) .....	88
6X8 (edge) .....	89

## #2 & Better Structural

### Hemlock

S4S KD	
2X4 .....	90
2X6 .....	91
2X8 .....	92

### Rough Green

6X6 (top face) .....	93
6X6 (reverse face) .....	94

## Douglas-Fir

S4S KD	
2X4 .....	95
Rough Green	
6X6 (top face) .....	96
6X6 (edge) .....	97
6X8 (top face) .....	98
6X8 (edge) .....	99
S4S Green	
2X6 (top face) .....	100
2X6 (reverse face) .....	101
2X8 .....	102

## #3 Structural

### Hemlock

S4S KD	
2X4 .....	103
2X6 .....	104
2X8 .....	105

### Douglas-Fir

S4S KD	
2X4 .....	106
2X8 .....	107
S4S Green	
2X6 (top face) .....	108
2X6 (reverse face) .....	109

## Miscellaneous Industry Grade

### Hemlock

Rough KD	
2X6 - Genban .....	110

### Yellow Cedar

Rough Green	
2X6 - Select Tight Knot (STK) .....	111
S4S Green	
2X6 - #1 Select Tight Knot (STK) .....	112



# HEMLOCK

KD, ROUGH - #2 CLEAR  
2X4



# HEMLOCK

KD, ROUGH - #2 CLEAR - VERTICAL GRAIN  
2X4



# HEMLOCK

KD, ROUGH - #2 CLEAR  
2X6





# HEMLOCK

KD, ROUGH - #2 CLEAR - VERTICAL GRAIN  
2X6



# HEMLOCK

KD, S4S - #2 CLEAR, MAX. 15% #3 CLEAR  
2X8



# HEMLOCK

GREEN, S4S - #2 CLEAR, MAX. 15% #3 CLEAR (TOP FACE)  
105X105





# HEMLOCK

GREEN, S4S - #2 CLEAR, MAX. 15% #3 CLEAR (REVERSE FACE)  
105X105



## DOUGLAS-FIR

KD, S2S - #2 CLEAR, MAX. 15% #3 CLEAR (TOP FACE)  
2X6



# DOUGLAS-FIR

KD, S2S - #2 CLEAR, MAX. 15% #3 CLEAR (REVERSE FACE)  
2X6





# DOUGLAS-FIR

GREEN, S4S - #2 CLEAR, MAX. 15% #3 CLEAR (TOP FACE)  
2X6



# DOUGLAS-FIR

GREEN, S4S - #2 CLEAR, MAX. 15% #3 CLEAR (REVERSE FACE)  
2X6



# WESTERN RED CEDAR

KD, S4S - #2 CLEAR

2X4



**WESTERN RED CEDAR**  
GREEN, ROUGH - #2 CLEAR  
2X4





**WESTERN RED CEDAR**  
GREEN, ROUGH - #2 CLEAR  
2X6



**WESTERN RED CEDAR**

GREEN, ROUGH - #2 CLEAR

2X8



**YELLOW CEDAR**  
KD, S4S - #2 CLEAR  
2X6



# YELLOW CEDAR

GREEN, ROUGH - #2 CLEAR

1X6





# YELLOW CEDAR

GREEN, ROUGH - #2 CLEAR  
2X4



# YELLOW CEDAR

GREEN, ROUGH - #2 CLEAR  
2X6



# HEMLOCK

KD, ROUGH - #3 CLEAR - VERTICAL GRAIN  
2X6





# HEMLOCK

KD, S4S - #3 CLEAR  
2X8



# DOUGLAS-FIR

KD, S2S - #3 CLEAR (TOP FACE)  
2X6



# DOUGLAS-FIR

KD, S2S - #3 CLEAR (REVERSE FACE)  
2X6





# HEMLOCK

KD, ROUGH - #4 CLEAR  
2X6



# HEMLOCK

KD, ROUGH - #4 CLEAR - VERTICAL GRAIN  
2X6



# HEMLOCK

KD, S4S - #4 CLEAR  
2X8



# HEMLOCK

GREEN, S4S - #4 CLEAR  
105X105





# DOUGLAS-FIR

KD, S2S - #4 CLEAR  
2X6



**WESTERN RED CEDAR**  
GREEN, ROUGH - #4 CLEAR  
2X4



**WESTERN RED CEDAR**  
GREEN, ROUGH - #4 CLEAR  
2X6



**WESTERN RED CEDAR**  
GREEN, ROUGH - #4 CLEAR  
2X8





# HEMLOCK

KD, ROUGH - SELECT SHOP  
2X5



SHOP/FACTORY



# HEMLOCK

KD, S4S - SELECT SHOP  
2X8



SHOP/FACTORY



# DOUGLAS-FIR

KD, S2S - SELECT SHOP  
2X6



SHOP/FACTORY



# HEMLOCK

KD, ROUGH - #1 SHOP  
2X5



SHOP/FACTORY



# HEMLOCK

KD, S4S - #1 SHOP  
2X8



SHOP/FACTORY





**DOUGLAS-FIR**  
KD, S2S - #1 SHOP  
2X6



SHOP/FACTORY



# DOUGLAS-FIR

GREEN, S4S - #1 SHOP (TOP FACE)  
2X6



SHOP/FACTORY



# DOUGLAS-FIR

GREEN, S4S - #1 SHOP (REVERSE FACE)

2X6



SHOP/FACTORY



# HEMLOCK

KD, ROUGH - #2 SHOP  
2X5



SHOP/FACTORY



# HEMLOCK

KD, S4S - #2 SHOP  
2X8



SHOP/FACTORY





# DOUGLAS-FIR

KD, S2S - #2 SHOP  
2X6



SHOP/FACTORY



# DOUGLAS-FIR

GREEN, S4S - #2 SHOP (TOP FACE)  
2X6



SHOP/FACTORY



# DOUGLAS-FIR

GREEN, S4S - #2 SHOP (REVERSE FACE)  
2X6



SHOP/FACTORY

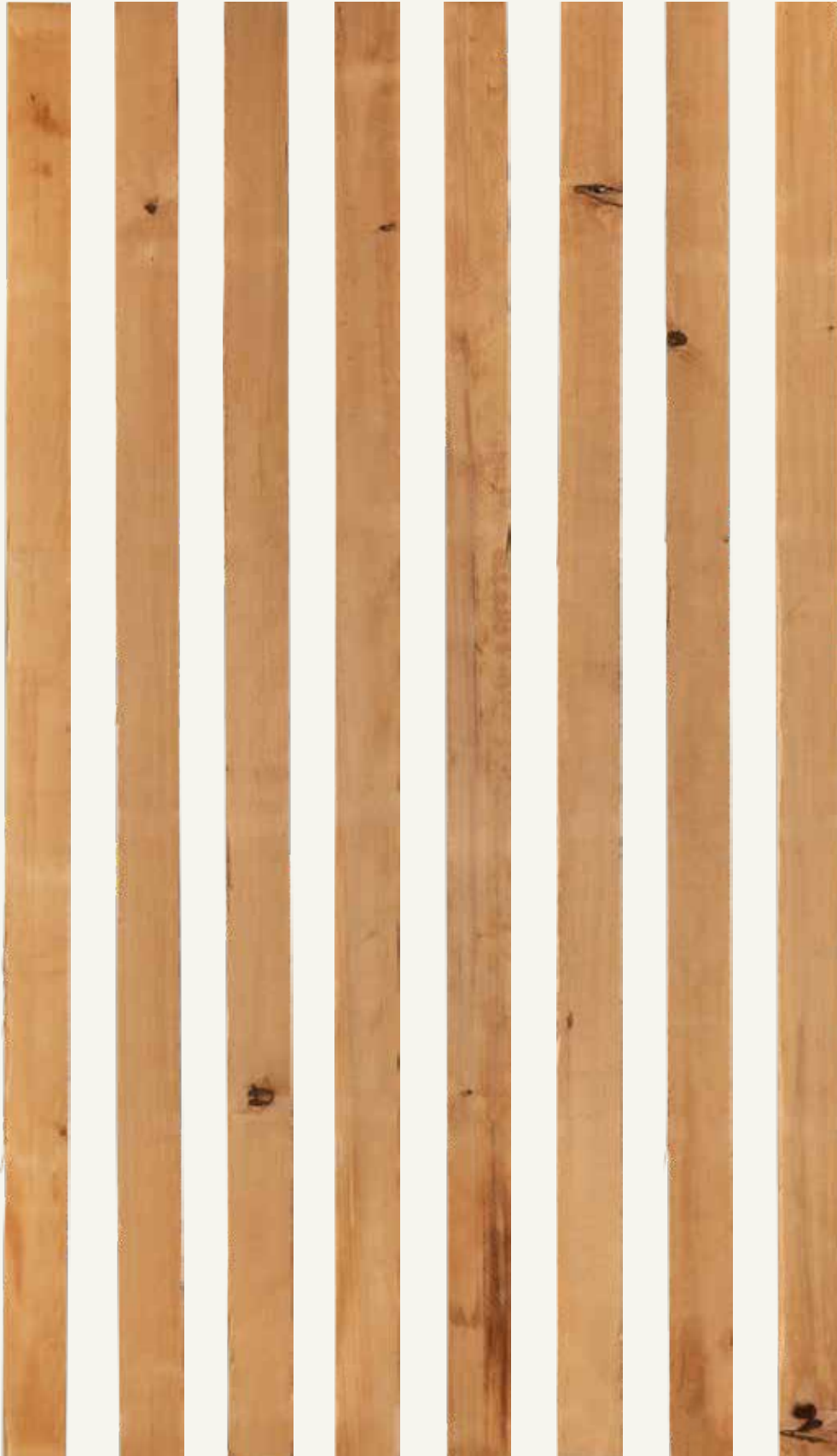


# HEMLOCK

KD, ROUGH - DOORSTOCK - FACTORY SELECT -  
VERTICAL GRAIN  
2X5



SHOP/FACTORY



# HEMLOCK

KD, ROUGH - DOORSTOCK - #2 SHOP - VERTICAL GRAIN  
2X5



SHOP/FACTORY





# HEMLOCK

GREEN, S4S - FACTORY FLITCH  
105X105



SHOP/FACTORY



# HEMLOCK

GREEN, S4S - SHOP FLITCH

105X105



SHOP/FACTORY



# HEMLOCK

KD, S4S - J GRADE

2X4



CONSTRUCTION



# HEMLOCK

KD, S4S - J GRADE

2X6



CONSTRUCTION



# HEMLOCK

KD, S4S - J GRADE

2X8



CONSTRUCTION





**DOUGLAS-FIR**  
KD, S4S - J GRADE  
2X4



# DOUGLAS-FIR

KD, S4S - J GRADE

2X6



CONSTRUCTION



# HEMLOCK

GREEN, S4S - #1 MERCH (TOP FACE)

105X105



CONSTRUCTION



# HEMLOCK

GREEN, S4S - #1 MERCH (REVERSE FACE)

105X105



CONSTRUCTION



# HEMLOCK

GREEN, S4S - #1 MERCH (TOP FACE)  
45X90



CONSTRUCTION





# HEMLOCK

GREEN, S4S - #1 MERCH (REVERSE FACE)  
45X90



CONSTRUCTION



## DOUGLAS-FIR

KD, S4S - #1 MERCH (TOP FACE)  
105X105



CONSTRUCTION



# DOUGLAS-FIR

KD, S4S - #1 MERCH (REVERSE FACE)

105X105



CONSTRUCTION



# DOUGLAS-FIR

GREEN, ROUGH - #1 STRUCTURAL (TOP FACE)  
4X6



CONSTRUCTION



# DOUGLAS-FIR

GREEN, ROUGH - #1 STRUCTURAL (EDGE)  
4X6



CONSTRUCTION





# DOUGLAS-FIR

GREEN, ROUGH - #1 STRUCTURAL (TOP FACE)  
4X8



CONSTRUCTION



# DOUGLAS-FIR

GREEN, ROUGH - #1 STRUCTURAL (EDGE)  
4X8



CONSTRUCTION



# DOUGLAS-FIR

GREEN, ROUGH - #1 STRUCTURAL (TOP FACE)  
6X6



CONSTRUCTION



# DOUGLAS-FIR

GREEN, ROUGH - #1 STRUCTURAL (REVERSE FACE)  
6X6



CONSTRUCTION



## DOUGLAS-FIR

GREEN, ROUGH - #1 STRUCTURAL (TOP FACE)  
6X8



CONSTRUCTION





# DOUGLAS-FIR

GREEN, ROUGH - #1 STRUCTURAL (EDGE)  
6X8



CONSTRUCTION



# HEMLOCK

KD, S4S - #2 & BETTER STRUCTURAL  
2X4



CONSTRUCTION



# HEMLOCK

KD, S4S - #2 & BETTER STRUCTURAL  
2X6



CONSTRUCTION



# HEMLOCK

KD, S4S - #2 & BETTER STRUCTURAL  
2X8



CONSTRUCTION



# HEMLOCK

GREEN, ROUGH - #2 & BETTER STRUCTURAL (TOP FACE)  
6X6



CONSTRUCTION



# HEMLOCK

GREEN, ROUGH - #2 & BETTER STRUCTURAL  
(REVERSE FACE)

6X6



CONSTRUCTION





# DOUGLAS-FIR

KD, S4S - #2 & BETTER STRUCTURAL  
2X4



CONSTRUCTION



# DOUGLAS-FIR

GREEN, ROUGH - #2 & BETTER STRUCTURAL (TOP FACE)  
6X6



CONSTRUCTION



# DOUGLAS-FIR

GREEN, ROUGH - #2 & BETTER STRUCTURAL (EDGE)  
6X6



CONSTRUCTION



# DOUGLAS-FIR

GREEN, ROUGH - #2 & BETTER STRUCTURAL (TOP FACE)  
6X8



CONSTRUCTION



# DOUGLAS-FIR

GREEN, ROUGH - #2 & BETTER STRUCTURAL (EDGE)  
6X8



CONSTRUCTION



# DOUGLAS-FIR

GREEN, S4S - #2 & BETTER STRUCTURAL (TOP FACE)  
2X6



CONSTRUCTION





# DOUGLAS-FIR

GREEN, S4S - #2 & BETTER STRUCTURAL (REVERSE FACE)  
2X6



CONSTRUCTION



# DOUGLAS-FIR

GREEN, S4S - #2 & BETTER STRUCTURAL  
2X8



CONSTRUCTION



# HEMLOCK

KD, S4S - #3 STRUCTURAL  
2X4



CONSTRUCTION



# HEMLOCK

KD, S4S - #3 STRUCTURAL  
2X6



CONSTRUCTION



# HEMLOCK

KD, S4S - #3 STRUCTURAL  
2X8



CONSTRUCTION





# DOUGLAS-FIR

KD, S4S - #3 STRUCTURAL  
2X4



CONSTRUCTION





# DOUGLAS-FIR

KD, S4S - #3 STRUCTURAL  
2X8



CONSTRUCTION



# DOUGLAS-FIR

GREEN, S4S - #3 STRUCTURAL (TOP FACE)  
2X6



CONSTRUCTION



# DOUGLAS-FIR

GREEN, S4S - #3 STRUCTURAL (REVERSE FACE)  
2X6



CONSTRUCTION



# HEMLOCK

KD, ROUGH - GENBAN  
2X6



CONSTRUCTION



# YELLOW CEDAR

GREEN, ROUGH - SELECT TIGHT KNOT (STK)  
2X6



CONSTRUCTION



# YELLOW CEDAR

GREEN, S4S - #1 SELECT TIGHT KNOT DECKING (STK)  
2X6



CONSTRUCTION







# Nguồn thông tin tham khảo

Forestry Innovation Investment (FII) là một cơ quan thuộc chính phủ Tỉnh Bang British Columbia, tỉnh cực Tây của Canada. Các văn phòng phát triển thị trường quốc tế của chúng tôi được hỗ trợ bởi Chính Phủ Liên Bang Canada thông qua tổ chức Natural Resources Canada (NRCan) để quảng bá Tỉnh Bang B.C., Canada như một nhà cung cấp toàn cầu các sản phẩm gỗ chất lượng, có trách nhiệm với môi trường và rừng được quản lý bền vững. Thông qua các hội thảo, triển lãm, sự kiện kết nối và các kênh truyền thông với tên gọi Canadian Wood và Canada Wood, đội ngũ của chúng tôi đang xây dựng nhận diện thương hiệu cho các sản phẩm gỗ B.C. và lợi ích của gỗ trong các ứng dụng khác nhau. Các chuyên gia về gỗ sẽ hỗ trợ các nhà sản xuất, nhà xây dựng/nhà phát triển, kiến trúc sư và nhà thiết kế nội thất hàng đầu trong việc xác định đúng loài gỗ và loại chất lượng gỗ Canada thích hợp cho các dự án của họ. Đội ngũ phát triển kinh doanh hỗ trợ các nhà nhập khẩu gỗ bằng cách xác định và kết nối họ với công ty gỗ xẻ ở B.C. để có nguồn cung cấp ổn định các loài gỗ Canada.

Để hiểu thêm về các loài gỗ và các cấp độ gỗ xẻ Canada, xin vui lòng truy cập:

**Canadian Wood Vietnam:** [www.canadianwood.com.vn](http://www.canadianwood.com.vn)

**Canadian Wood India:** [www.canadianwood.in](http://www.canadianwood.in)

**Canada Wood China:** [www.canadawood.cn](http://www.canadawood.cn)

**Canada Wood Japan:** [www.canadawood.jp](http://www.canadawood.jp)

**Canada Wood Korea:** [www.canadawood.or.kr](http://www.canadawood.or.kr)

## Tài liệu tham khảo

- <sup>1</sup> <https://www.for.gov.bc.ca/rco/#general%20info>
- <sup>2</sup> Data source 2020
- <sup>3</sup> Data source 2020
- <sup>4</sup> Data source 2020
- <sup>5</sup> Data source 2020
- <sup>6</sup> Data source 2020
- <sup>7</sup> Data source 2020



Forestry Innovation  
Investment



Canada Wood  
Produits de bois canadien

**naturally:wood®**

Để tìm kiếm thông tin về các nhà máy ở B.C. cho các nhu cầu sản phẩm của quý khách, vui lòng truy cập danh mục nhà cung cấp tại [naturally:wood](http://naturally:wood). Tìm kiếm theo chủng loại gỗ, loại dịch vụ, sản phẩm và các thông tin khác tại: [suppliers.naturallywood.com](http://suppliers.naturallywood.com)









Canadian  
Wood

